

Số: 1143/ĐHKTL-SĐH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận học viên cao học năm 2018

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 5 tháng 4 năm 2010 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các trường đại học thành viên trong Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Quyết định số 83/QĐ-ĐHQG ngày 19 tháng 02 năm 2016 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 835/QĐ-ĐHKTL-SĐH ngày 17 tháng 8 năm 2017 về việc Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ kết quả thi tuyển sinh sau đại học năm 2018 của Trường Đại học Kinh tế - Luật;

Xét đề nghị của Trường phòng Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 208 (hai trăm lẻ tám) học viên cao học khóa 2018 – 2020. (Danh sách chi tiết đính kèm).

Điều 2. Hình thức đào tạo: Chính quy, bán thời gian. Học viên cao học có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ và được hưởng quyền lợi theo Quy định Đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM..

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Trường các phòng Sau đại học, Kế hoạch - Tài chính, trường các khoa có đào tạo sau đại học và học viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, SĐH.



PGS.TS Nguyễn Tiến Dũng



DANH SÁCH CÔNG NHẬN HỌC VIÊN CAO HỌC KHÓA 2018

(Kèm theo Quyết định số 143/QĐ-ĐHKTL ngày 28 tháng 05 năm 2018)

STT	Mã học viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Ghi chú
1	C18601001	Nguyễn Ngọc	Đức	Nam	22/09/1975	Kinh tế chính trị	
2	C18601002	Vòng Đình Tú	Trình	Nữ	19/08/1979	Kinh tế chính trị	
3	C18601003	Trần Thị Bích	Hồng	Nữ	02/01/1985	Kinh tế chính trị	
4	C18601004	Võ Hồng	Khuân	Nam	15/02/1978	Kinh tế chính trị	
5	C18601005	Trần Quốc	Toàn	Nam	10/11/1984	Kinh tế chính trị	
6	C18602006	Phan Đình Hải	My	Nữ	11/10/1995	Kinh tế học	
7	C18602007	Nguyễn Khánh	Vương	Nam	13/01/1993	Kinh tế học	
8	C18602008	Nguyễn Thị	Thom	Nữ	12/01/1994	Kinh tế học	
9	C18602009	Trịnh Hà	Phuong	Nữ	21/03/1992	Kinh tế học	
10	C18602010	Nguyễn Ngọc	Diễm	Nữ	14/03/1995	Kinh tế học	
11	C18602011	Nguyễn Quang	Hiếu	Nam	08/08/1995	Kinh tế học	
12	C18602012	Phạm Văn	Khánh	Nam	15/09/1995	Kinh tế học	
13	C18602013	Nguyễn Yên	Ngọc	Nữ	28/03/1995	Kinh tế học	
14	C18602014	Nguyễn Mạch Ý	Nhi	Nữ	23/06/1995	Kinh tế học	
15	C18603015	Thân Thị Hồng	Yên	Nữ	12/01/1982	Chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công	
16	C18603016	Trương Phúc	Mai	Nữ	29/08/1988	Chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công	
17	C18603017	Lê Phú	Lâm	Nam	27/07/1991	Chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công	
18	C18603018	Lê Thị Anh	Xuân	Nữ	07/11/1992	Chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công	
19	C18603019	Phan Ngọc Quỳnh	Đan	Nữ	14/10/1992	Chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công	
20	C18603020	Lê Tấn	Cường	Nam	20/11/1989	Chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công	
21	C18603021	Lê Quang	Thanh	Nam	05/12/1991	Chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công	
22	C18603022	Huỳnh Hoàng	Đũng	Nam	11/05/1988	Chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công	
23	C18603023	Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	04/30/1985	Chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công	
24	C18603024	Trần Thị Thanh	Bình	Nữ	25/12/1995	Chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công	



[Handwritten signature]

STT	Mã học viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Ghi chú
25	C18603025	Vương Huyền	Trang	Nữ	01/10/1989	Chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công	
26	C18603026	Nguyễn Tá Hà	Vy	Nữ	23/11/1988	Chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công	
27	C18603027	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	28/09/1991	Chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công	
28	C18608108	Trần Trung	Hậu	Nam	16/10/1988	Kinh tế quốc tế	
29	C18608109	Nguyễn Đăng	Tú	Nam	01/01/1994	Kinh tế quốc tế	
30	C18608110	Phan	Nguyễn	Nam	17/03/1991	Kinh tế quốc tế	
31	C18608111	Quách Thị Bảo	Trần	Nữ	22/10/1995	Kinh tế quốc tế	
32	C18608112	Nguyễn Thị Tô	Oanh	Nữ	28/10/1995	Kinh tế quốc tế	
33	C18608113	Nguyễn Thị Ai	Nữ	Nữ	01/11/1993	Kinh tế quốc tế	
34	C18608114	Võ Thị Cẩm	Thu	Nữ	18/03/1995	Kinh tế quốc tế	
35	C18608115	Phan Trung	Đức	Nam	26/10/1995	Kinh tế quốc tế	
36	C18608116	Phạm Thị	Ngọc	Nữ	01/01/1994	Kinh tế quốc tế	
37	C18608117	Đỗ Thị Tuyết	Nhung	Nữ	19/09/1995	Kinh tế quốc tế	
38	C18608118	Nguyễn Hữu	Tín	Nam	05/04/1995	Kinh tế quốc tế	
39	C18608119	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	Nữ	02/07/1995	Kinh tế quốc tế	
40	C18604028	Đỗ Đình	Thái	Nam	07/03/1993	Tài chính - Ngân hàng	
41	C18604029	Võ Huỳnh Yến	Nhi	Nữ	22/12/1992	Tài chính - Ngân hàng	
42	C18604030	Hồ Thị Thúy	Hằng	Nữ	10/12/1992	Tài chính - Ngân hàng	
43	C18604031	Lương Kim	Tuyền	Nữ	21/06/1992	Tài chính - Ngân hàng	
44	C18604032	Nguyễn Trí Đức Vỹ	Minh	Nam	19/05/1992	Tài chính - Ngân hàng	
45	C18604033	Trần Quốc	Đạt	Nam	24/07/1991	Tài chính - Ngân hàng	
46	C18604034	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	Nữ	01/06/1992	Tài chính - Ngân hàng	
47	C18604035	Dương Thị Hoàng	Kim	Nữ	12/09/1992	Tài chính - Ngân hàng	
48	C18604036	Ngô Thị Thùy	Dương	Nữ	16/04/1993	Tài chính - Ngân hàng	
49	C18604037	Vũ Thị Thanh	Tuyền	Nữ	01/11/1986	Tài chính - Ngân hàng	
50	C18604038	Trần Liêu Thiên	Phúc	Nam	22/12/1995	Tài chính - Ngân hàng	
51	C18604039	Bùi Hoàng	Mol	Nam	10/11/1994	Tài chính - Ngân hàng	
52	C18604040	Nguyễn Bá Duy	Khánh	Nam	18/11/1991	Tài chính - Ngân hàng	
53	C18604041	Nguyễn Anh	Vũ	Nam	28/10/1976	Tài chính - Ngân hàng	
54	C18604042	Mai Quang	Vinh	Nam	06/07/1990	Tài chính - Ngân hàng	

STT	Mã học viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Ghi chú
55	C18604043	Lê Tuấn	Anh	Nam	02/09/1994	Tài chính - Ngân hàng	
56	C18604044	Nguyễn Quang	Thắng	Nam	27/04/1991	Tài chính - Ngân hàng	
57	C18604045	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	06/09/1993	Tài chính - Ngân hàng	
58	C18604046	Nguyễn Xuân	Hoàng	Nam	09/01/1995	Tài chính - Ngân hàng	
59	C18604047	Nguyễn Trịnh Ngọc	Hồng	Nữ	25/04/1995	Tài chính - Ngân hàng	
60	C18604048	Lê Anh	Khải	Nam	26/04/1995	Tài chính - Ngân hàng	
61	C18604049	Phan Thiện	Phú	Nam	06/08/1995	Tài chính - Ngân hàng	
62	C18604050	Phạm Anh	Tuấn	Nam	12/03/1995	Tài chính - Ngân hàng	
63	C18604051	Lê Thị Mỹ	Linh	Nữ	26/10/1993	Tài chính - Ngân hàng	
64	C18604052	Vũ Bảo	Phiên	Nam	31/10/1984	Tài chính - Ngân hàng	
65	C18605055	Cao Thị Diệu	Hiền	Nữ	18/01/1995	Kế toán	
66	C18605056	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	22/11/1991	Kế toán	
67	C18605057	Hồ Thị Uyên	Phương	Nữ	27/01/1986	Kế toán	
68	C18605058	Võ Thị	Luận	Nữ	21/10/1977	Kế toán	
69	C18605059	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	01/01/1994	Kế toán	
70	C18605060	Đoàn Ngọc	Hiền	Nữ	30/01/1991	Kế toán	
71	C18605061	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	Nữ	10/14/1994	Kế toán	
72	C18605062	Võ Minh	Triết	Nam	11/08/1980	Kế toán	
73	C18605063	Nguyễn Thị Kim	Duyên	Nữ	20/04/1986	Kế toán	
74	C18605064	Đinh Văn	Thọ	Nam	23/03/1985	Kế toán	
75	C18605066	Phạm Thị Ai	Linh	Nữ	29/10/1988	Kế toán	
76	C18605067	Phạm Bảo	Vy	Nữ	10/15/1995	Kế toán	
77	C18605068	Phan Thị Ngọc	Ánh	Nữ	01/08/1984	Kế toán	
78	C18605069	Lê Hồng	Nhung	Nữ	21/04/1994	Kế toán	
79	C18605070	Võ Ngọc Anh	Thư	Nữ	25/06/1995	Kế toán	
80	C18605071	Phạm Đức	Vinh	Nam	13/01/1994	Kế toán	
81	C18605072	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	19/08/1993	Kế toán	
82	C18605073	Vũ Đức	Quang	Nam	18/04/1990	Kế toán	
83	C18605074	Nguyễn Ánh	Hồng	Nữ	28/11/1966	Kế toán	
84	C18607077	Nguyễn Trọng	Nam	Nam	28/03/1986	Quản trị kinh doanh	

STT	Mã học viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Ghi chú
85	C18607078	Phạm Thị Quỳnh	Như	Nữ	26/01/1979	Quản trị kinh doanh	
86	C18607079	Võ Thị Thu	Cúc	Nữ	20/12/1993	Quản trị kinh doanh	
87	C18607080	Lê Thị Anh	Thư	Nữ	21/07/1995	Quản trị kinh doanh	
88	C18607081	Trần Cao	Cảnh	Nam	07/10/1992	Quản trị kinh doanh	
89	C18607082	Trương Văn	Cường	Nam	13/02/1990	Quản trị kinh doanh	
90	C18607083	Nguyễn Tuấn	Cương	Nam	01/01/1980	Quản trị kinh doanh	
91	C18607084	Nguyễn Thái	Thành	Nam	20/04/1993	Quản trị kinh doanh	
92	C18607085	Phan Ngọc	Quân	Nam	24/07/1978	Quản trị kinh doanh	
93	C18607086	Lôi Minh	Thắng	Nam	11/10/1989	Quản trị kinh doanh	
94	C18607087	Lê Hữu	Đại	Nam	15/11/1986	Quản trị kinh doanh	
95	C18607088	Hồ Đăng	Khoa	Nam	25/01/1994	Quản trị kinh doanh	
96	C18607089	Nguyễn Thị	Xuyến	Nữ	07/02/1985	Quản trị kinh doanh	
97	C18607090	Trần Sa	Nhân	Nữ	22/05/1993	Quản trị kinh doanh	
98	C18607091	Nguyễn Mỹ	Phương	Nữ	13/06/1984	Quản trị kinh doanh	
99	C18607092	Lâm Hồng Trà	My	Nữ	07/05/1992	Quản trị kinh doanh	
100	C18607093	Trần Thanh	Nhàn	Nữ	29/08/1995	Quản trị kinh doanh	
101	C18607095	Nguyễn Minh	Chiêu	Nam	01/07/1991	Quản trị kinh doanh	
102	C18607096	Trần Thành	Nam	Nam	26/09/1991	Quản trị kinh doanh	
103	C18607097	Bùi Thị Kim	Duyên	Nữ	26/12/1994	Quản trị kinh doanh	
104	C18607099	Văn Đức Sơn	Hà	Nam	06/09/1986	Quản trị kinh doanh	
105	C18607100	Nguyễn Minh	Chánh	Nam	08/10/1982	Quản trị kinh doanh	
106	C18607101	Nguyễn Minh	Đức	Nam	29/01/1989	Quản trị kinh doanh	
107	C18607102	Lê Ngọc	Bích	Nữ	16/06/1996	Quản trị kinh doanh	
108	C18607103	Phạm Thị Ngọc	Lan	Nữ	11/11/1989	Quản trị kinh doanh	
109	C18607104	Phạm Xuân	Thắng	Nam	24/04/1977	Quản trị kinh doanh	
110	C18607105	Mai Hữu	Trị	Nam	20/07/1995	Quản trị kinh doanh	
111	C18607106	Trần Thị Kim	Nhớ	Nữ	02/13/1996	Quản trị kinh doanh	
112	C18607107	Lê Thị	Phượng	Nữ	05/10/1995	Quản trị kinh doanh	
113	C18609120	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	Nữ	28/09/1991	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
114	C18609121	Trương Yên	Nhi	Nữ	03/07/1995	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	

STT	Mã học viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Ghi chú
115	C18609122	Nguyễn An	Nhân	Nam	11/09/1983	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
116	C18609123	Nguyễn Ngọc	Yến	Nữ	28/09/1990	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
117	C18609124	Nguyễn Thị Phương	Hằng	Nữ	17/04/1993	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
118	C18609125	Bùi Thị	Thu	Nữ	02/01/1988	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
119	C18609126	Trương Thành	Công	Nam	10/02/1979	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
120	C18609127	Mai Văn	Hương	Nam	20/10/1978	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
121	C18609128	Đàm Văn	Thiện	Nam	01/03/1992	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
122	C18609130	Văn Thị Ngọc	Mỹ	Nữ	21/05/1989	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
123	C18609131	Nguyễn Hoàng Tuyết	Khanh	Nữ	24/12/1994	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
124	C18609132	Nguyễn Trần Anh	Thư	Nữ	30/03/1995	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
125	C18609133	Lê Thị Thanh	Tịnh	Nữ	14/05/1985	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
126	C18609134	Nguyễn Phụng	Hiếu	Nam	12/10/1989	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
127	C18609135	Nguyễn Hồng	Nhân	Nam	10/02/1987	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
128	C18609136	Ngô Chánh	Nhung	Nữ	08/04/1975	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
129	C18609137	Nguyễn Tuấn	Son	Nam	19/02/1987	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
130	C18609138	Trần Thị Tuyết	Mai	Nữ	22/06/1990	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
131	C18609139	Nguyễn Thị Thanh	Nhi	Nữ	26/01/1994	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
132	C18609140	Phạm Nguyễn Thanh	Vy	Nữ	08/09/1990	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
133	C18609141	Đinh Trung	Tân	Nam	13/05/1990	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
134	C18609142	Nguyễn Lê Trúc	Phương	Nữ	22/05/1995	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
135	C18609143	Lê Hùng	Vượng	Nam	04/08/1981	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
136	C18609144	Lâm Văn	Anh	Nữ	06/11/1988	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
137	C18609145	Đoàn Thị Thu	Cúc	Nữ	31/05/1990	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
138	C18609146	Phạm Thị Thanh	Hiền	Nữ	06/11/1993	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
139	C18609147	Nguyễn Quốc	Đăng	Nam	16/05/1973	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
140	C18609148	Hồ Xuân	Anh	Nam	12/08/1977	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
141	C18609149	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhung	Nữ	24/08/1970	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
142	C18609150	Nguyễn Hải	Biển	Nam	21/02/1991	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
143	C18609151	Vũ Thị Thu	Huyền	Nữ	24/01/1994	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
144	C18609152	Dương Diễm	Phượng	Nữ	12/01/1987	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	

[Signature]

STT	Mã học viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Ghi chú
145	C18609153	Trần Thị Ánh	Tuyết	Nữ	28/04/1994	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
146	C18609154	Lê Thị Hồng	Hiếu	Nữ	07/08/1990	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
147	C18609155	Phạm Thị Lệ	Hà	Nữ	10/02/1987	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
148	C18609156	Nguyễn Ngọc	Mai	Nữ	20/11/1976	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
149	C18609157	Nguyễn Mạnh	Khôi	Nam	11/06/1991	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
150	C18609158	Hồ Võ Thanh	Vy	Nữ	12/02/1989	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
151	C18609159	Nguyễn Thị	Trưởng	Nữ	06/05/1992	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
152	C18609160	Phạm Nguyễn Kim	Long	Nam	15/10/1988	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
153	C18609161	Phạm Thị Huỳnh	Như	Nữ	15/02/1992	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
154	C18609162	Lê Thị Ngọc	Ly	Nữ	22/02/1990	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
155	C18609163	Trần Văn	Điệp	Nam	21/02/1978	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
156	C18609164	Nguyễn Hoàng	Trung	Nam	08/07/1992	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	
157	C18610165	Lê Ngọc Tú	Quyên	Nữ	06/05/1991	Luật Kinh tế	
158	C18610166	An Thái	Phượng	Nữ	20/01/1992	Luật Kinh tế	
159	C18610168	Huỳnh Thị	Lệ	Nữ	21/02/1995	Luật Kinh tế	
160	C18610169	Ngô Thanh	Sang	Nam	28/01/1993	Luật Kinh tế	
161	C18610170	Huỳnh	Mẫn	Nam	20/10/1975	Luật Kinh tế	
162	C18610171	Nguyễn Văn	Cầm	Nam	28/05/1991	Luật Kinh tế	
163	C18610172	Mai Như	Phương	Nữ	18/05/1985	Luật Kinh tế	
164	C18610173	Cao Thảo	Nguyên	Nữ	04/01/1994	Luật Kinh tế	
165	C18610174	Trần Thị Bạch	Trình	Nữ	01/07/1995	Luật Kinh tế	
166	C18610175	Huỳnh Thị Ánh	Vân	Nữ	1984	Luật Kinh tế	
167	C18610176	Trần Thị Mai	Loan	Nữ	09/10/1990	Luật Kinh tế	
168	C18610177	Nguyễn Đức	Bình	Nam	09/07/1994	Luật Kinh tế	
169	C18610178	Danh Thị Kim	Ánh	Nữ	11/10/1989	Luật Kinh tế	
170	C18610179	Trần Thị Kiều	Thu	Nữ	20/02/1993	Luật Kinh tế	
171	C18610180	Nhan Thị Huỳnh	Như	Nữ	13/06/1996	Luật Kinh tế	
172	C18610181	Phạm Quang	Duy	Nam	24/07/1995	Luật Kinh tế	
173	C18610182	Nguyễn Thị Lan	Phương	Nữ	07/03/1985	Luật Kinh tế	
174	C18610183	Võ Thành	Boan	Nam	11/12/1980	Luật Kinh tế	



[Handwritten signature]

STT	Mã học viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Ghi chú
175	C18610184	Nguyễn Thị	Thoa	Nữ	25/07/1977	Luật Kinh tế	
176	C18610185	Nguyễn Trọng	Tấn	Nam	11/12/1995	Luật Kinh tế	
177	C18610186	Trần Dịu	My	Nữ	23/02/1993	Luật Kinh tế	
178	C18610187	Nguyễn Hữu	Thông	Nam	06/02/1972	Luật Kinh tế	
179	C18610188	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	18/01/1985	Luật Kinh tế	
180	C18610189	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	06/01/1993	Luật Kinh tế	
181	C18610190	Nguyễn Gia Kỳ	Phương	Nữ	27/08/1994	Luật Kinh tế	
182	C18610191	Vũ Văn	Cường	Nam	05/05/1995	Luật Kinh tế	
183	C18610192	Nguyễn Lê Như	Thủy	Nữ	20/12/1982	Luật Kinh tế	
184	C18610193	Lương Đình	Tuệ	Nam	09/04/1983	Luật Kinh tế	
185	C18610194	Châu Ngọc	Hân	Nữ	09/01/1989	Luật Kinh tế	
186	C18610195	Nguyễn Thị Xuân	Hương	Nữ	12/01/1985	Luật Kinh tế	
187	C18610196	Lê Thị	Tâm	Nữ	15/05/1990	Luật Kinh tế	
188	C18610197	Nguyễn Hà	Giang	Nữ	24/10/1995	Luật Kinh tế	
189	C18610198	Nguyễn Đoàn Thị	Xuân	Nữ	01/01/1995	Luật Kinh tế	
190	C18610199	Lê Thị Ngọc	Ngà	Nữ	09/06/1993	Luật Kinh tế	
191	C18610200	Trần Đức	Anh	Nam	30/04/1986	Luật Kinh tế	
192	C18610201	Đinh Cao	Nguyên	Nam	29/01/1985	Luật Kinh tế	
193	C18610202	Võ Ngọc Thiên	Hào	Nam	21/05/1994	Luật Kinh tế	
194	C18610203	Lê Thị Minh	Phượng	Nữ	10/09/1995	Luật Kinh tế	
195	C18610204	Phạm Thị Thảo	Xuyên	Nữ	06/12/1993	Luật Kinh tế	
196	C18610205	Huỳnh Lý Thúy	Diễm	Nữ	30/04/1989	Luật Kinh tế	
197	C18610207	Huỳnh Thành	Trung	Nam	07/01/1995	Luật Kinh tế	
198	C18610209	Huỳnh	Như	Nữ	24/10/1995	Luật Kinh tế	
199	C18610210	Huỳnh Thị Thanh	Thủy	Nữ	15/08/1994	Luật Kinh tế	
200	C18610211	Hà Phương Thanh	Thủy	Nữ	09/04/1995	Luật Kinh tế	
201	C18610212	Nguyễn Trường	Phát	Nam	01/03/1979	Luật Kinh tế	
202	C18610213	Đặng Thị Lệ	Hằng	Nữ	21/02/1982	Luật Kinh tế	
203	C18610214	Phạm Thị	Lam	Nữ	06/06/1994	Luật Kinh tế	
204	C18610215	Đỗ Thị Thùy	Vân	Nữ	10/03/1988	Luật Kinh tế	



[Handwritten signature]

STT	Mã học viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Ghi chú
205	C18610216	Lại Thị Thu	Thùy	Nữ	11/10/1978	Luật Kinh tế	
206	C18610217	Phạm Thị Hoài	Thương	Nữ	07/11/1995	Luật Kinh tế	
207	C18610218	Nguyễn Thị Võ	Thiên	Nữ	25/06/1992	Luật Kinh tế	
208	C18610219	Nguyễn Khánh	Linh	Nam	19/05/1973	Luật Kinh tế	

Danh sách có 208 học viên

[Signature]

